

Ngày thi: 10/12/2010

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	152327058	Phạm Công	Kha	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
2	152337671	Phan Văn	Minh	B15QNH	10		7		7				8.3	8.0	Tam		
3	152527276	Đào Thị Vân	Anh	B15QNH	9		7.5		7.5				5.6	6.6	Sau pháp Sau		
4	152527282	Huỳnh Lý	Bang	B15QNH	9		8		7.5				6.8	7.3	Baý pháp Ba		
5	152527293	Nguyễn Thị Phương	Dung	B15QNH	10		6		7				8.4	8.0	Tam		
6	152527294	Trần Thị Phương	Dung	B15QNH	10		6.5		7				5.1	6.2	Sau pháp Hai		
7	152527296	Đỗ Thị Thùy	Duyên	B15QNH	10		7.5		8				7.4	7.8	Baý pháp Tam		
8	152527297	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	B15QNH	10		8		7.5				5.3	6.6	Sau pháp Sau		
9	152527303	Trần Cảnh Trường	Giang	B15QNH	9		4		7				4	5.3	Nam pháp Ba		
10	152527304	Hồ Thị Ngọc	Hà	B15QNH	9		9.5		8.5				7.6	8.2	Tam pháp Hai		
11	152527307	Hoàng Nữ Thúy	Hằng	B15QNH	9		6		6				7.3	7.0	Baý		
12	152527315	Phan Thị Thanh	Hiếu	B15QNH	10		6.5		8				7.7	7.9	Baý pháp Chên		
13	152527316	Nguyễn Thị Thu	Hoài	B15QNH	8		7.5		7.5				3.9	0.0	Khăng		
14	152527325	Lê Thị	Huyền	B15QNH	9		7		7.5				8.5	8.2	Tam pháp Hai		
15	152527328	Thái Thị Nhật	Huyền	B15QNH	9		6		7.5				V	0.0	Khăng		
16	152527335	Trần Thị Thanh	Lan	B15QNH	10		7		7.5				8.1	8.0	Tam		
17	152527337	Trần Anh	Lâm	B15QNH	9		7		7.5				3	0.0	Khăng		
18	152527339	Trần Thị Minh	Lệ	B15QNH	10		8		8				8.6	8.5	Tam pháp Nam		
19	152527343	Phạm Thị Ngọc	Linh	B15QNH	10		7.5		7.5				5	6.4	Sau pháp Bấu		
20	152527345	Phan Thị Thùy	Linh	B15QNH	10		7.5		7.5				7.1	7.5	Baý pháp Nam		
21	152527358	Huỳnh Thị Kiều	Nga	B15QNH	10		7		7				7.1	7.4	Baý pháp Bấu		
22	152527359	Trần Thị Hằng	Nga	B15QNH	9		7.5		8				7.7	7.9	Baý pháp Chên		
23	152527362	Ngô Thị Thu	Ngân	B15QNH	9		6.5		7				8.1	7.8	Baý pháp Tam		
24	152527365	Trương Như	Nguyễn	B15QNH	10		7		7.5				V	0.0	Khăng		
25	152527367	Lê Thị Thanh	Nhàn	B15QNH	9		8		7.5				7.5	7.7	Baý pháp Baý		
26	152527371	Phan Nữ Trà	Nhi	B15QNH	8		8		8				8.1	8.1	Tam pháp Mất		
27	152527378	Trần Thị Kim	Oanh	B15QNH	10		6		7.5				7.1	7.4	Baý pháp Bấu		
28	152527381	Nguyễn Thị	Phương	B15QNH	10		7		7.5				7.7	7.8	Baý pháp Tam		
29	152527382	Nguyễn Thị	Phương	B15QNH	10		8.5		8.5				8.3	8.5	Tam pháp Nam		
30	152527389	Phạm Thái	Quý	B15QNH	8		7.5		8				7.9	7.9	Baý pháp Chên		
31	152527395	Trần Thị Minh	Tâm	B15QNH	9		7		7				7.3	7.4	Baý pháp Bấu		
32	152527411	Hoàng Thị Hoài	Thương	B15QNH	10		6.5		7.5				8.2	8.0	Tam		
33	152527414	Trần Lê Thị Minh	Toàn	B15QNH	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
34	152527417	Nguyễn Mai	Trang	B15QNH	10		6.5		6.5				7.5	7.4	Baý pháp Bấu		
35	152527419	Trần Thị Thu	Trang	B15QNH	10		7		8.5				7.8	8.1	Tam pháp Mất		
36	152527423	Trần Thị Tú	Trinh	B15QNH	10		7		7.5				8.6	8.3	Tam pháp Ba		
37	152527425	Nguyễn Thị	Trúc	B15QNH	0		0		0				V	0.0	Khăng		
38	152527427	Bùi Tấn	Trường	B15QNH	8		4		0				V	0.0	Khăng		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B15QNH_KHỐI KINH TẾ												
PHÒNG ĐÀO TẠO				TÊN HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ				ĐỢT HỌC				5				
				MÃ HỌC PHẦN : FIN - 406				TÍN CHỈ				2				
Ngày thi: 10/12/2010								LẦN THI				1				
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			
39	152527440	Nguyễn Thị Nguyên Vũ	B15QNH	9		6		7				5.1	6.1	Sau pháp Mất		
40	152527442	Phạm Thị Hồng Vy	B15QNH	10		8		8				7.4	7.9	Báý pháp Chên		
41	152527443	Trần Thị Lê Xuân	B15QNH	9		7.5		7.5				7.1	7.4	Báý pháp Bấu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	33	80%	
2	Số sinh viên nợ	8	20%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

LẬP BẢNG		KIỂM TRA		TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN		Đà Nẵng, ngày 18 tháng 12 năm 2010	
		(ký và ghi rõ họ tên)		(ký và ghi rõ họ tên)		PHÒNG ĐÀO TẠO	
						(ký và ghi rõ họ tên)	
Nguyễn Kim Đức		Phạm Hồng Phương		TS. Hồ Văn Nhân		ThS. Nguyễn Hữu Phú	